



TẠP CHÍ KHOA HỌC
PHÁT TRIỂN
NHÂN LỰC

SCIENTIFIC JOURNAL OF
HUMAN RESOURCE
DEVELOPMENT

HOCHIMINH CITY CADRE ACADEMY

02⁽²⁰⁾

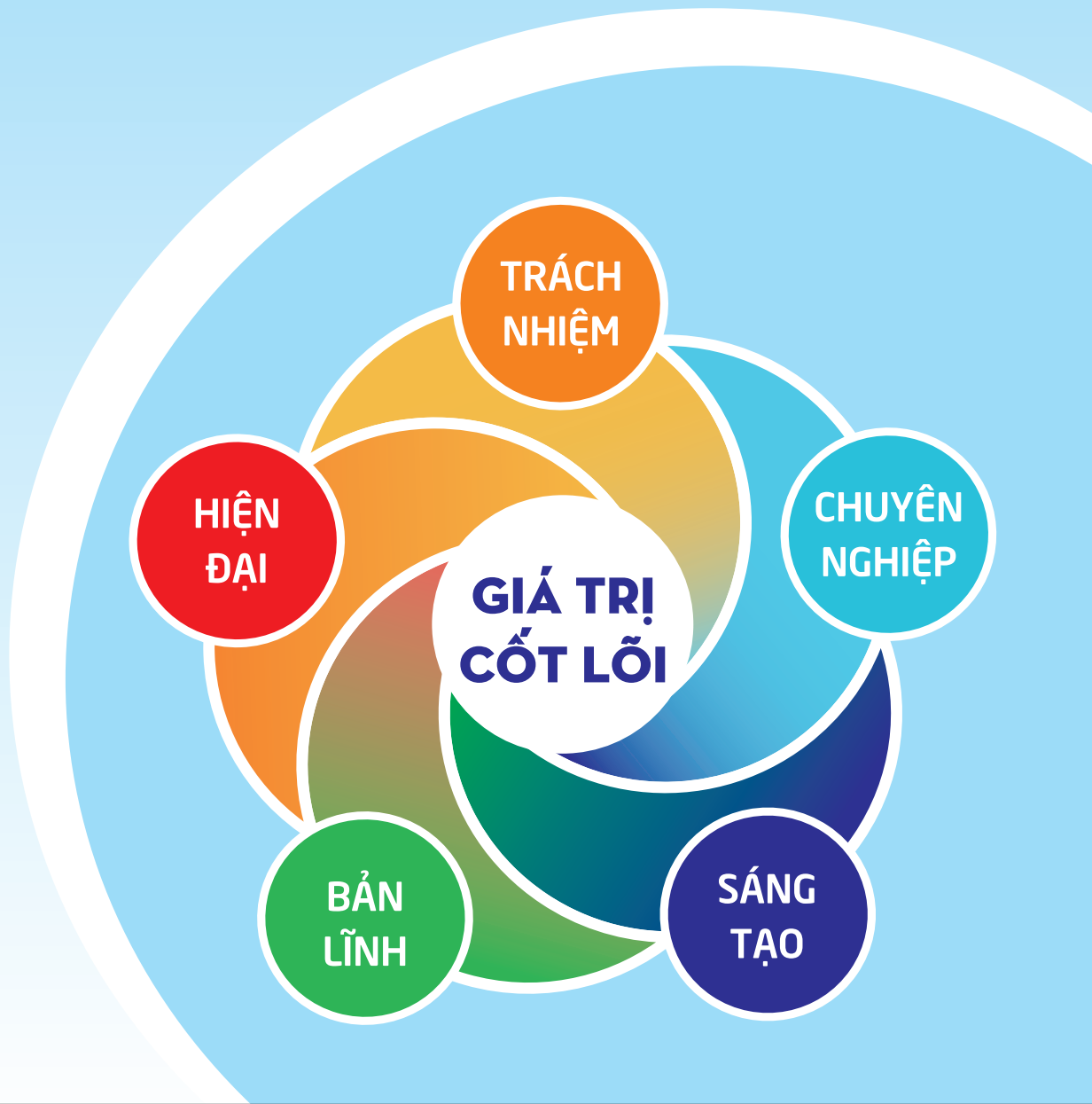
2025

TÂM NHÌN

Học viện là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng lãnh đạo cao cấp của Thành phố Hồ Chí Minh góp phần kiến tạo phát triển đất nước và là trường chính trị đạt chuẩn quốc gia.

SỨ MẠNG

Học viện là đơn vị nòng cốt tham gia Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chủ lực tham gia nghiên cứu khoa học, cung cấp cơ sở lý luận, tổng kết thực tiễn, đề xuất về định hướng, chiến lược, chính sách phát triển và là nơi cung cấp những nhà lãnh đạo quản lý ưu tú cho Thành phố Hồ Chí Minh.



Tổng biên tập

TS. Đoàn Nguyễn Thùy Trang

Hội đồng biên tập

PGS.TS. Nguyễn Tấn Phát

(Chủ tịch)

PGS.TS. Nguyễn Văn Y

(Phó Chủ tịch)

PGS.TS. Nguyễn Duy Bắc

PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn

PGS.TS. Vũ Tình

PGS.TS. Vũ Thanh Sơn

PGS.TS. Trương Thị Hiền

PGS.TS. Trần Hoàng Ngân

TS. Bùi Thị Ngọc Trang

TS. Bùi Ngọc Hiến

TS. Phan Hải Hồ

TS. Trần Thị Hà Văn

TS. Lê Thị Hồng Hà

TS. Phạm Ngọc Lợi

TS. Trần Tuấn Duy

TS. Lê Thị Trúc Anh

TS. Đoàn Nguyễn Thùy Trang

Giấy phép xuất bản

SỐ 551/GP-BTTTT do

Bộ Thông tin và Truyền thông

cấp ngày 26/11/2020, khổ 19 x 27cm

In tại Công ty TNHH Thiết Kế In Ấn

Phạm Hiến (57 Đường 35,

P. Bình Trưng Tây, TP. Thủ Đức)

Giá: 150.000đ**MỤC LỤC**

- ThS. Phan Văn Tú** Tác phẩm chính luận trên báo Thanh Niên do Nguyễn Ái Quốc sáng lập năm 19257
- Đại tá, TS. Nguyễn Văn Tú**
Nhận thức đúng quan hệ biện chứng giữa truyền thống và hiện đại trong xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay20
- TS. Phạm Trần Hải, ThS. La Thị Xuân Phương, KS. Bùi Hữu Lộc, ThS. Nguyễn Hoàng Mỹ Lan**
Đánh giá chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh27
- TS. Nguyễn Thành Nam**
Quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng bộ, chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc50
- TS. Nguyễn Văn Hiệu, TS. Đinh Thị Dung**
Tiếp xúc văn hóa Việt - Hoa qua tín ngưỡng thờ Quan Công tại Huế nhìn từ chính sách của chúa Nguyễn ở Đàng Trong65
- TS. Nguyễn Thị Toàn Thắng**
Tiềm năng ứng dụng công nghệ và các mô hình tích hợp trong chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại Thành phố Hồ Chí Minh72
- ThS. KTS. Lê Hồng Nhật**
Mối liên hệ giữa các chỉ tiêu phát triển giao thông và nhà ở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh83
- TS. Đoàn Nguyễn Thùy Trang, ThS. Ngô Thị Thanh Tiên, ThS. Đỗ Thị Ngọc Diễm**
Những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi số của tạp chí khoa học97

Tổng biên tập

TS. Đoàn Nguyễn Thùy Trang

Hội đồng biên tập

PGS.TS. Nguyễn Tấn Phát

(Chủ tịch)

PGS.TS. Nguyễn Văn Ý

(Phó Chủ tịch)

PGS.TS. Nguyễn Duy Bắc

PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn

PGS.TS. Vũ Tinh

PGS.TS. Vũ Thanh Sơn

PGS.TS. Trương Thị Hiền

PGS.TS. Trần Hoàng Ngân

TS. Bùi Thị Ngọc Trang

TS. Bùi Ngọc Hiến

TS. Phan Hải Hồ

TS. Trần Thị Hà Vân

TS. Lê Thị Hồng Hà

TS. Phạm Ngọc Lợi

TS. Trần Tuấn Duy

TS. Lê Thị Trúc Anh

TS. Đoàn Nguyễn Thùy Trang

Giấy phép xuất bản

SỐ 551/GP-BTTTT do

Bộ Thông tin và Truyền thông

cấp ngày 26/11/2020, khổ 19 x 27cm

In tại Công ty TNHH Thiết Kế In Ấn

Phạm Hiền (57 Đường 35,

P. Bình Trưng Tây, TP. Thủ Đức)

ThS. Nguyễn Thị Hồng Mơ, TS. Nguyễn Văn Tuấn,

ThS. Nguyễn Thị Kim Tuyền Năng lực số của công chức Ủy ban nhân dân phường tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh **108**

TS. Lý Ngọc Yến Nhi, Mai Thiều Thảo Ngọc, Phan Thị Hồng Ngân,

Đoàn Trần Đoàn Trang, Nguyễn Thị Ngọc Linh, Lê Hoàng Phụng Tiên

Nhận thức về bình đẳng giới của sinh viên khối ngành kinh tế và vai trò của nó đối với phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh **119**

TS. Lê Thị Trúc Anh

Ứng dụng công nghệ số thúc đẩy phát triển du lịch bền vững (trường hợp huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh) **135**

ThS. Nguyễn Thị Kiều Sương

Quản lý nhà nước về dân tộc ở Thành phố Huế hiện nay - thực trạng và giải pháp **148**

ThS. Phan Trần Mai Phương, Lã Minh Thông

Một số vấn đề lý luận về đổi mới và tinh gọn bộ máy nhà nước Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc **160**

ThS. Đào Xuân Thủy, Trương Quang Thắng, Trần Văn Tài,

Nguyễn Hoàng Bảo Việt, Phạm Thị Bảo Tiên

Phát huy vai trò của truyền thông trong lan tỏa các thông tin chính trị đến người dân Thành phố Hồ Chí Minh **172**

SCIENTIFIC JOURNAL OF HUMAN RESOURCE DEVELOPMENT

p-ISSN 3030-4288

No.02 (20) 2025

JUNE/2025

Head office: 324 Chu Van An St., W.12,
Binh Thanh Dist, Ho Chi Minh City
Tel: 0907 232 931
Email: tapchi@hcmca.edu.vn

Editor - In - Chief

PhD. Doan Nguyen Thuy Trang

Editorial Council

Assoc.Prof.PhD. Nguyen Tan Phat
(Chairman)

Assoc.Prof.PhD. Nguyen Van Y
(Vice chairman)

Assoc.Prof.PhD. Nguyen Duy Bac

Assoc.Prof.PhD. Nguyen Minh Tuan

Assoc.Prof.PhD. Vu Tinh

Assoc.Prof. PhD. Vu Thanh Son

Assoc.Prof. PhD. Truong Thi Hien

Assoc.Prof.PhD. Tran Hoang Ngan

PhD. Bui Thi Ngoc Trang

PhD. Bui Ngoc Hien

PhD. Phan Hai Ho

PhD. Tran Thi Ha Van

PhD. Le Thi Hong Ha

PhD. Pham Ngoc Loi

PhD. Tran Tuan Duy

PhD. Le Thi Truc Anh

PhD. Doan Nguyen Thuy Trang

Issue license

No 551/GP - BTTTT, issued
on 26 November 2020

by Ministry of Information and Media

Printed at:

Pham Hien Printing Design Co., Ltd
(57 street 35, ward Binh Trung Tay,
Thu Duc city)

Price: 150.000 VND

CONTENTS

- MA. Phan Van Tu** Commentary works in Thanh Nien newspaper founded by Nguyen Ai Quoc in 19257
- Colonel, PhD. Nguyen Van Tu**
Evidenced understanding of the dialectical relationship between tradition and modernity in building and developing Vietnamese culture today20
- PhD. Pham Tran Hai, MA. La Thi Xuan Phuong,
Engr. Bui Huu Loc, MA. Nguyen Hoang My Lan**
Assessment of digital transformation in the field of urban management in Ho Chi Minh City27
- PhD. Nguyen Thanh Nam**
Viewpoints, guidelines, policies of the Party Committee and government of Ho Chi Minh City on developing high-quality human resources on the threshold of the era of the national rise50
- PhD. Nguyen Van Hieu, PhD. Dinh Thi Dung**
An insight into Vietnamese-Chinese culture through the prism of Guan Gong worship in Hue seen from the policy of Nguyen Lords in the Southern Regions of Vietnam65
- PhD. Nguyen Thi Toan Thang**
Potentiality of application of technology and integrated models to health care for the elderly in Ho Chi Minh City72
- MA. Arch. Le Hong Nhat**
The relationship between the targets of transport development and those of housing development in Ho Chi Minh City83
- PhD. Doan Nguyen Thuy Trang, MA. Ngo Thi Thanh Tien,
MA. Do Thi Ngoc Diem**
Key factors affecting the digital transformation of scientific journals97

Editor - In - Chief

PhD. Doan Nguyen Thuy Trang

Editorial Council

Assoc.Prof.PhD. Nguyen Tan Phat
(Chairman)

Assoc.Prof.PhD. Nguyen Van Y
(Vice chairman)

Assoc.Prof.PhD. Nguyen Duy Bac

Assoc.Prof.PhD. Nguyen Minh Tuan

Assoc.Prof.PhD. Vu Tinh

Assoc.Prof. PhD. Vu Thanh Son

Assoc.Prof. PhD. Truong Thi Hien

Assoc.Prof.PhD. Tran Hoang Ngan

PhD. Bui Thi Ngoc Trang

PhD. Bui Ngoc Hien

PhD. Phan Hai Ho

PhD. Tran Thi Ha Van

PhD. Le Thi Hong Ha

PhD. Pham Ngoc Loi

PhD. Tran Tuan Duy

PhD. Le Thi Truc Anh

PhD. Doan Nguyen Thuy Trang

Issue license

No 551/GP - BTTTT, issued
on 26 November 2020

by Ministry of Information and Media

Printed at:

Pham Hien Printing Design Co., Ltd
(57 street 35, ward Binh Trung Tay,
Thu Duc city)

MA. Nguyen Thi Hong Mo, PhD. Nguyen Van Tuan,

MA. Nguyen Thi Kim Tuyen Digital capacity of civil servants of ward-level People's committees in Tan Binh district, Ho Chi Minh City **108**

PhD. Ly Ngoc Yen Nhi, Mai Thieu Thao Ngoc, Phan Thi Hong Ngan,

Doan Tran Doan Trang, Nguyen Thi Ngoc Linh, Le Hoang Phung Tien Economics students' perception of gender equality and its role in the socio-economic development of Ho Chi Minh City ... **119**

PhD. Le Thi Truc Anh

Applying digital technology to promote sustainable tourism development (a case study of Can Gio district, Ho Chi Minh City) **135**

MA. Nguyen Thi Kieu Suong

State management on ethnic minorities in Hue City today - current situation and solutions **148**

MA. Phan Tran Mai Phuong, La Minh Thong

Some theoretical issues on innovating and streamlining the state apparatus of Vietnam in the era of national rise **160**

MA. Dao Xuan Thuy, Truong Quang Thang, Tran Van Tai,

Nguyen Hoang Bao Viet, Pham Thi Bao Tien Promoting the role of communication in disseminating political information to the people of Ho Chi Minh City **172**

NHẬN THỨC VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI CỦA SINH VIÊN KHỐI NGÀNH KINH TẾ VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ngày nhận bài: 08/3/2025; ngày nhận lại bài: 18/3/2025; ngày duyệt đăng: 23/5/2025

LÝ NGỌC YẾN NHI^(*)

MAI THIỀU THẢO NGỌC, PHAN THỊ HỒNG NGÂN, ĐOÀN TRẦN ĐOAN TRANG,
NGUYỄN THỊ NGỌC LINH, LÊ HOÀNG PHỤNG TIÊN^(**)

TÓM TẮT

Bình đẳng giới là nền tảng quan trọng của phát triển bền vững, góp phần thúc đẩy công bằng xã hội và tác động đến tăng trưởng kinh tế. Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, tại Thành phố Hồ Chí Minh - vùng kinh tế trọng điểm của cả nước, vấn đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới để đảm bảo cơ hội phát triển bình đẳng và bền vững cho mọi cá nhân càng trở nên cấp thiết, trong đó có nhận thức của sinh viên về bình đẳng giới. Nghiên cứu định lượng qua kỹ thuật thống kê mô tả đã phân tích 385 phản hồi từ sinh viên tại 12 trường đại học khối ngành kinh tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nhằm đánh giá nhận thức của sinh viên về bình đẳng giới dưới tác động của các yếu tố văn hóa xã hội, gia đình, giáo dục và nghề nghiệp. Trên cơ sở đánh giá chung nhận thức của sinh viên về bình đẳng giới, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị, giải pháp nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới của sinh viên khối ngành kinh tế, góp phần xây dựng môi trường kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh bền vững, trong bối cảnh kỷ nguyên vươn mình của đất nước.

Từ khóa: bình đẳng giới, nhận thức, kinh tế, sinh viên, xã hội.

ABSTRACT

Gender equality is a critical foundation for sustainable development, contributing to social equity and driving economic growth. In the context of global integration, in Ho Chi Minh City, the key economic region of the country, the issue of raising perceptions about gender equality to ensure equal and sustainable development opportunities for all individuals has become increasingly urgent, particularly with regard to students' perception of gender equality. The quantitative study, employing descriptive statistical techniques, analyzed 385 responses from students at 12 economics-focused universities in Ho Chi Minh City to evaluate their perceptions of gender equality as shaped by socio-

(*) Tiến sĩ, giảng viên Trường Đại học Ngoại thương Cơ sở II TP.HCM, lyngocyennhi.cs2@ftu.edu.vn

(**) Sinh viên, Trường Đại học Ngoại thương Cơ sở II TP.HCM

cultural, familial, educational, and occupational factors. Based on the overall evaluation of students' perception of gender equality, the study proposes several recommendations for and solutions to enhancing economics students' perception of gender equality, contributing to the creation of a sustainable socio-economic environment in Ho Chi Minh City in the the era of national rise.

Keywords: *perception, gender equality, economics, students, society.*

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển không ngừng của nền kinh tế tri thức, bình đẳng giới không chỉ là vấn đề mang tính đạo đức mà còn là yếu tố cốt lõi góp phần vào sự thịnh vượng và phát triển bền vững của quốc gia. Liên hợp quốc (2023) đã xác định bình đẳng giới là một trong 17 Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) (Sustainable Development Goals), nhằm trao quyền và đảm bảo quyền lợi cho nữ giới, hướng đến một xã hội công bằng và tiến bộ. Tại Việt Nam, Chính phủ đã ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030, với mục tiêu thu hẹp khoảng cách giới và nâng cao vị thế của phụ nữ trong mọi lĩnh vực. Điều này càng trở nên ý nghĩa khi đặt trong bối cảnh đất nước trong kỷ nguyên vươn mình, được Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh trong chuyên đề “Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam” mà đích đến chính là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phát triển theo chế độ xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu (Thông tấn xã Việt Nam, 2024).

Kỷ nguyên phát triển mới của đất nước yêu cầu một môi trường xã hội bình đẳng, ở đó mọi cá nhân nói chung, cá nhân phụ nữ nói riêng được đối xử công bằng, có cơ hội phát triển, nâng cao năng suất lao động và đổi mới sáng tạo tương đồng với nam giới, từ đó thúc đẩy sự thịnh vượng chung của quốc gia. “Mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của khu vực và thế giới, cho hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu” (Thông tấn xã Việt Nam, 2024). Điều này cũng có nghĩa: bình đẳng giới là một trong những điều kiện giúp đạt được các mục tiêu lớn của đất nước trong kỷ nguyên mới. Trên thực tế, nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước đã chỉ ra tầm quan trọng của bình đẳng giới đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Chẳng hạn, Phan Thị Thu Hà (2018) nhấn mạnh rằng phụ nữ khởi nghiệp và tham gia vào các hoạt động kinh doanh đã mang lại nhiều lợi ích to lớn cho sự phát triển của xã hội, đồng thời nâng cao vị thế cá nhân của họ, hay theo kết quả nghiên cứu của Phạm Ngọc Toàn và cộng sự (2023), bình đẳng giới có tác động tích cực đến sự tăng trưởng của các ngành kinh tế. Trần Thị Kim Oanh và cộng sự (2024) khẳng định: khi phụ nữ có cơ hội tham gia đầy đủ vào lực lượng lao động và được đối xử công bằng, họ có khả năng đóng góp lớn vào sự tăng trưởng kinh tế. Những minh chứng này càng củng cố cho tầm quan trọng và vai trò của việc thực hiện bình đẳng giới đáp ứng

yêu cầu của kỷ nguyên mới.

Thêm vào đó, kỷ nguyên vươn mình cũng đòi hỏi sự đoàn kết nhất trí, chung sức đồng lòng, tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, thách thức, từ đó hướng đến việc hoàn thiện hơn các chuẩn mực văn hoá - xã hội. Lý do là bất bình đẳng giới, định kiến giới và khuôn mẫu giới hiện vẫn còn tồn tại và ảnh hưởng mạnh mẽ trong nhiều lĩnh vực, có thể trở thành những nguy cơ, thách thức trên phương diện nhận thức, tư duy. Chính vì vậy, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới nói chung, đối với thế hệ trẻ nói riêng, trong đó có sinh viên, không chỉ giúp tháo gỡ các rào cản về nhận thức trong xã hội mà còn góp phần đáng kể vào việc xây dựng một xã hội công bằng, văn minh, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững trong kỷ nguyên vươn mình của Việt Nam.

Mặc dù có nhiều nghiên cứu về bình đẳng giới, nhưng các nghiên cứu về nhận thức cụ thể của sinh viên trong lĩnh vực này vẫn còn hạn chế. Nghiên cứu của nhóm tác giả hướng đến ba mục tiêu chính: phân tích các nghiên cứu liên quan đến nhận thức về bình đẳng giới trong và ngoài nước; xác định các nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên khối ngành kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và đề xuất các khuyến nghị nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới cho sinh viên. Đồng thời, nhóm tác giả tập trung nghiên cứu tác động của yếu tố văn hóa xã hội, giáo dục, và môi trường doanh nghiệp đến nhận thức của sinh viên về bình đẳng giới. Phương pháp nghiên cứu định lượng đã được áp dụng để thu thập dữ liệu từ 385 sinh viên từ 12 trường đại học khối ngành kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh thông qua khảo sát trực tuyến. Dữ liệu sau đó được phân tích bằng SPSS (Statistical Package for the Social Sciences) với kỹ thuật thống kê mô tả nhằm đánh giá mức độ nhận thức, từ đó đưa ra các khuyến nghị cần thiết.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết áp dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, thông qua điều tra xã hội học với phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên thuận tiện. Cỡ mẫu được xác định bằng công thức của Cochran (1977), dữ liệu được thu thập qua bảng hỏi trực tuyến trên nền tảng Google Form, sau khi làm sạch dữ liệu tiếp tục xử lý bằng phần mềm SPSS (Statistical Package for the Social Sciences). Quy trình nghiên cứu được chia thành ba giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Nghiên cứu tài liệu liên quan và xây dựng mô hình nghiên cứu, xác định các biến nghiên cứu dựa trên lý thuyết.

- Giai đoạn 2: Xây dựng bảng hỏi và tiến hành khảo sát trực tuyến để thu thập dữ liệu sơ cấp từ sinh viên.

- Giai đoạn 3: Phân tích dữ liệu bằng phần mềm SPSS (Statistical Package for the Social Sciences), sử dụng các kỹ thuật thống kê mô tả để đánh giá mức độ nhận thức của sinh viên về bình đẳng giới, từ đó đưa ra các nhận định và kết luận.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Một số vấn đề lý luận liên quan đến nhận thức về bình đẳng giới

3.1.1. Một số khái niệm liên quan

Nhận thức: Theo tâm lý học đại cương, nhận thức là hoạt động đặc trưng của con người. Trong quá trình sống và hoạt động con người nhận thức - phản ánh được hiện thực xung quanh, hiện thực của bản thân mình, trên cơ sở đó con người tổ thái độ và hành động đối với thế giới xung quanh và đối với chính bản thân mình (Nguyễn Quang Uẩn, 2007). Quan điểm này cũng tương đồng khi Triết học Mác-Lênin cũng coi nhận thức là sự tương tác giữa chủ thể và khách thể thông qua hoạt động thực tiễn (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021). Nhận thức đóng vai trò định hướng cho thái độ sống cũng như hành vi của con người trong hoạt động thực tiễn.

Bình đẳng giới: Là việc nam và nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó (Luật Bình đẳng giới, 2006). Bình đẳng giới nghĩa là cả hai giới đều được đảm bảo cơ hội và điều kiện như nhau để thực hiện quyền con người và đóng góp vào các thành tựu phát triển quốc gia trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa (UNICEF, 2017). Hiện nay, bình đẳng giới đã trở thành một trong những vấn đề phát triển mang tính toàn cầu (Phạm Thị Huế, Nguyễn Văn Thanh, 2020). Thực hiện Bình đẳng giới là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân (Luật Bình đẳng giới, 2006).

Nhận thức về bình đẳng giới: Nhận thức về bình đẳng giới thể hiện sự hiểu biết của con người về các vấn đề liên quan, từ đó góp phần định hướng việc hiện thực hóa bình đẳng giới trong thực tiễn. Theo Trương Thị Thúy Hà và Nguyễn Thị Thu Thủy (2024): “Nhận thức về Bình đẳng giới được tìm hiểu thông qua nhận thức về thực hiện việc nhà, quyền quyết định các vấn đề lớn trong gia đình, vai trò của phụ nữ và nam giới đóng góp và sử dụng thu nhập chung của gia đình”. Nhận thức về bình đẳng giới không chỉ quan trọng trong việc thúc đẩy công bằng xã hội mà còn nâng cao tiếng nói và vị thế của phụ nữ trong gia đình, xã hội và các hoạt động kinh tế, chính trị tại địa phương.

Đối với sinh viên, nhận thức về bình đẳng giới sẽ giúp phát huy tiềm năng của bản thân mà không bị cản trở bởi các khuôn mẫu giới. “Khuôn mẫu giới là một trong các loại khuôn mẫu, thể hiện quan điểm hoặc định kiến được khái quát hóa về đặc tính, đặc điểm mà phụ nữ và nam giới cần có hoặc các vai trò hai giới nên thực hiện” (Phan Thị Thu Hà, 2018). Theo Office of the High Commissioner for Human Rights (2014), khuôn mẫu giới có thể can thiệp vào việc theo đuổi nghề nghiệp hoặc hoạch định kế hoạch cuộc đời của cả nam và nữ (trích lại từ Phan Thị Thu Hà, 2018). Điều này cũng phù hợp với công bố của Gupta & cộng sự (2013), nhận thức về khuôn mẫu giới của bản thân và những người xung quanh có thể tác động tiêu cực đến ý định khởi nghiệp và quá trình kinh doanh của phụ nữ. Chính vì thế, khi nhận thức về bình đẳng giới được nâng cao, sinh viên nói chung, sinh viên khối ngành kinh tế nói riêng sẽ được mở ra cơ hội tham gia đầy đủ và hiệu quả hơn

vào các hoạt động học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp theo lựa chọn của mình.

3.1.2 Cơ sở lý thuyết

Nhiều nghiên cứu đã được thực hiện nhằm phân tích nhận thức của sinh viên về bình đẳng giới, tuy nhiên mối quan hệ giữa nhận thức về bình đẳng giới của sinh viên khối ngành kinh tế và các yếu tố tác động đến điều này vẫn chưa được khai thác đầy đủ. Nhóm nghiên cứu đã tập trung vào các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức đó, kế thừa các công trình của Xiner Xu & cộng sự (2021) về tác động của nhân tố xã hội, gia đình và kinh tế đến định kiến giới, đồng thời, tham khảo tác động của các tài liệu giáo dục đến định kiến giới được thực hiện bởi Đặng Thị Lan Anh & cộng sự (2023). Đặc biệt, kết quả nghiên cứu sử dụng thang đo của Guerrero-Azpeitia & Luis Arturo (2023), trong đó mối quan hệ giữa yếu tố gia đình và nhận thức về bình đẳng giới của sinh viên được làm rõ qua nghề nghiệp và trình độ học vấn của cha mẹ. Theo đó, mô hình nghiên cứu được đề xuất thể hiện vai trò ảnh hưởng của 4 yếu tố chính: nghề nghiệp, văn hóa xã hội, gia đình, giáo dục đến nhận thức về bình đẳng giới của sinh viên.

3.2. Kết quả nghiên cứu nhận thức về bình đẳng giới của sinh viên khối ngành kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh

3.2.1. Tổng quan về nhận thức chung của sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh về bình đẳng giới

Sinh viên khối ngành kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy môi trường làm việc bình đẳng và bền vững. Theo Bộ GD&ĐT (2023), nhóm sinh viên này chiếm hơn 30% tổng số sinh viên đại học toàn quốc, có sức ảnh hưởng lớn trong xã hội. Là một trung tâm giáo dục lớn với tầng lớp trí thức trẻ năng động, sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh đang ngày càng quan tâm đến vấn đề bình đẳng giới, thể hiện qua sự tham gia tích cực vào các hoạt động nâng cao nhận thức và nỗ lực thay đổi tư duy xã hội do các cơ sở giáo dục đại học hay các tổ chức phi chính phủ, các câu lạc bộ sinh viên triển khai. Với mục tiêu thay đổi nhận thức và nâng cao hiểu biết về bình đẳng giới, nhiều trường đại học đã tổ chức các hội thảo và tọa đàm chuyên sâu, chẳng hạn chuỗi chương trình Mover (2021) trong đó có hội thảo về chủ đề “Bình đẳng giới” do Trường Đại học Kinh tế Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh (UEF) tổ chức, hay tọa đàm “Gỡ bỏ định kiến, khai phá tiềm năng” do Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH) tổ chức (2022) đã giúp sinh viên nhìn nhận lại những định kiến giới vẫn còn tồn tại trong xã hội, khuyến khích sinh viên tham gia tích cực vào việc thay đổi tư duy, từ đó thúc đẩy cơ hội bình đẳng trong học tập cũng như sự nghiệp trong tương lai.

Bên cạnh đó, sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh đã chủ động tham gia hoặc tổ chức các hội thảo, tọa đàm và dự án cộng đồng về bình đẳng giới. Ngoài ra, các hoạt động tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh) hay Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH) đã thu hút nhiều sinh viên, đặc

biệt là nữ sinh, với các chương trình khuyến khích bày tỏ quan điểm và đẩy lùi định kiến giới (Tô Diệu Hiền, 2022; Phòng Marketing - Truyền thông, 2023). Không những thế, sinh viên cũng bắt đầu nhận diện và phê phán các khuôn mẫu giới thể hiện trong truyền thông, như cách phụ nữ thường bị gắn với vai trò nội trợ hoặc lãnh đạo kém quyết đoán (Viện Nghiên cứu Truyền thông Phát triển, 2024).

Mặc dù vậy, mức độ nhận thức về bình đẳng giới của sinh viên chưa hoàn toàn đồng đều. Một số vẫn chịu ảnh hưởng từ tư duy *trọng nam khinh nữ* hoặc thiếu hiểu biết về các quy định pháp lý liên quan đến bình đẳng giới (Tô Diệu Hiền, 2022). Sinh viên nữ đôi khi gặp nhiều rào cản hơn khi tham gia các cuộc thi khởi nghiệp hoặc chương trình quản trị kinh doanh. Truyền thông và văn hóa truyền thống tiếp tục là rào cản, khi các định kiến về vai trò giới vẫn được tái sản xuất qua quảng cáo và báo chí. Dẫu vậy, các sáng kiến từ sinh viên, như sử dụng mạng xã hội để lan tỏa thông điệp hay tổ chức hội thảo ứng dụng kiến thức thực tiễn, cho thấy tiềm năng lớn trong việc thúc đẩy bình đẳng giới (Thúy Vi, 2021).

Tóm lại, sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh đang có những bước tiến đáng ghi nhận trong nhận thức về bình đẳng giới, với sự nhạy bén và tinh thần trách nhiệm xã hội ngày càng cao. Tuy nhiên, nhận thức này vẫn chịu ảnh hưởng từ văn hóa truyền thống, định kiến giới trong truyền thông, và sự thiếu đồng đều giữa các nhóm sinh viên. Thực tế này cũng phù hợp với nhận định của ILO (2021) rằng định kiến giới vẫn tồn tại trong giáo dục và doanh nghiệp. Trong môi trường làm việc, sự phân biệt về cơ hội thăng tiến vẫn diễn ra, với tỷ lệ nữ giới giữ vị trí lãnh đạo thấp hơn nam giới (Lý Ngọc Yến Nhi, 2022). Tình trạng định kiến giới và bất bình đẳng trong giáo dục tại Việt Nam vẫn đang tồn tại và ảnh hưởng đến việc phát triển của học sinh, sinh viên, và xã hội (Nguyễn Minh Tuấn, 2023). Những rào cản này đòi hỏi việc nâng cao nhận thức bình đẳng giới cần được chú trọng ngay từ khi sinh viên còn đang học tập nhằm khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực từ khuôn mẫu giới trên lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, góp phần thực hiện thành công Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới tại Việt Nam nói chung, tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng.

3.2.2. Vai trò của việc nâng cao nhận thức của sinh viên khối ngành kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh về bình đẳng giới đối với vấn đề phát triển kinh tế xã hội Thành phố Hồ Chí Minh

Trong bối cảnh kỷ nguyên số, việc nâng cao nhận thức về bình đẳng giới của xã hội nói chung ngày càng giữ vai trò then chốt đối với sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Bởi lẽ, phụ nữ ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong lĩnh vực kinh tế. Theo Grant Thornton International (2024), tỷ lệ phụ nữ nắm giữ các vị trí quản lý cấp cao trong doanh nghiệp tầm trung trên toàn cầu đã cải thiện đáng kể khi tăng lên 33%. Thúc đẩy bình đẳng giới là yếu tố cốt lõi giúp doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, tăng cường khả năng phục hồi và hướng đến thành công lâu dài trong bối cảnh toàn cầu hóa (Grant Thornton, 2024). Đây

là minh chứng rõ ràng cho một môi trường làm việc bình đẳng sẽ nâng cao hiệu suất lao động và tạo nền tảng cho phát triển lâu dài của nền kinh tế.

Dựa trên mục tiêu trở thành đô thị toàn cầu, văn minh, hiện đại, với nguồn nhân lực chất lượng cao, dịch vụ - công nghiệp hiện đại, và là đầu tàu về kinh tế xanh, kinh tế số, xã hội số (Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 2023), việc đảm bảo bình đẳng giới trong giáo dục và đào tạo tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới là vô cùng cần thiết, đặc biệt là trong giáo dục đại học. Thực hiện bình đẳng giới trong giáo dục đại học sẽ giúp sinh viên phát triển toàn diện, từ đó chuẩn bị cho khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động đa dạng và hội nhập của sinh viên trong tương lai.

Chính vì thế, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới cho sinh viên khối ngành kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố. Bình đẳng giới không chỉ là quyền con người cơ bản mà còn là yếu tố then chốt để đạt được tăng trưởng kinh tế bền vững và toàn diện. Khi sinh viên - những nhà kinh tế tương lai - hiểu rõ và thực hành bình đẳng giới, họ sẽ góp phần tạo ra môi trường làm việc công bằng, khai thác tối đa tiềm năng của cả nam và nữ, từ đó nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh. Ngoài ra, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới còn giúp giảm thiểu các định kiến và phân biệt đối xử, tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia nhiều hơn vào các lĩnh vực kinh tế. Kết quả nghiên cứu từ Dự án điều tra cơ bản “Nhận thức, dự định khởi nghiệp của phụ nữ trong bối cảnh hội nhập quốc tế” của Học viện Phụ nữ Việt Nam (2017) thực hiện trên 1750 phụ nữ từ 18 đến 55 tuổi tại miền Bắc Việt Nam cũng ủng hộ cho quan điểm này. Theo đó, sự thay đổi nhận thức về khuôn mẫu giới ở phạm vi cộng đồng, xã hội là vô cùng cần thiết nhằm giảm bớt các rào cản, thách thức với các nữ doanh nhân, đòi hỏi cần phá vỡ các khuôn mẫu giới thông qua xem xét nguồn gốc hình thành và các cơ chế duy trì và phát triển của nó (Phan Thị Thu Hà, 2018). Vì lẽ đó, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới của xã hội nói chung, ở sinh viên nói riêng không chỉ giúp tăng cường sự đa dạng trong quản lý và lãnh đạo mà còn thúc đẩy đổi mới và sáng tạo, góp phần vào sự phát triển bền vững của Thành phố. Khi sinh viên khối ngành kinh tế với nhận thức đúng đắn về bình đẳng giới sẽ trở thành lực lượng tiên phong, góp phần xây dựng một nền kinh tế công bằng, hội nhập và bền vững, đưa Thành phố Hồ Chí Minh phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên vươn mình.

Như vậy, việc nâng cao nhận thức về bình đẳng giới cho sinh viên khối ngành kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh là bước đi chiến lược, góp phần xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

3.3. Thực trạng nhận thức về bình đẳng giới của sinh viên khối ngành kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh

Điều tra xã hội học được thực hiện vào tháng 12/2024 dưới hình thức online thông qua khảo sát trên nền tảng Google Form nhằm đánh giá nhận thức chung về bình đẳng giới

cũng như nhận thức cụ thể của sinh viên khối ngành kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh về bình đẳng giới dưới tác động của các yếu tố nghề nghiệp, gia đình, văn hóa xã hội và giáo dục. Nghiên cứu nhận về 398 phản hồi khảo sát, tuy nhiên có 13 phản hồi không phù hợp tiêu chí chọn mẫu và được loại bỏ. Số phản hồi hợp lệ là 385 phản hồi, với 181 sinh viên nam (47,01%) và 204 sinh viên nữ (52,99%), đến từ 12 cơ sở giáo dục đại học khối kinh tế ở Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó số lượng đáp viên chủ yếu đến từ Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế - Luật (Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh), Trường Đại học Tài chính - Marketing Thành phố Hồ Chí Minh.

Bảng 1. Tỷ lệ sinh viên các trường tham gia khảo sát

STT	Tên trường	Số lượng sinh viên	Tỷ lệ (%)
1	Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương tại Thành phố Hồ Chí Minh	186	48,31
2	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	73	18,96
3	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	44	11,43
4	Trường Đại học Kinh tế - Luật	34	8,83
5	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	21	5,45
6	Trường Đại học Tài chính - Marketing	19	4,93
7	Khác	8	2,08

Nguồn: Kết quả khảo sát (2025)

3.3.1. Nhận thức chung của sinh viên về bình đẳng giới

Với tỷ lệ cao đồng ý rằng “Phụ nữ và nam giới nên có cơ hội giáo dục bình đẳng” (82,6%) và 85,97% ủng hộ các chương trình nâng cao nhận thức về bình đẳng giới cho thấy đã có sự tiến bộ trong tư duy của thế hệ trẻ. Tuy nhiên, các định kiến, quan niệm cũ vẫn ảnh hưởng đến cách nhìn nhận của sinh viên về vai trò giới. Cụ thể, 41,56% cho rằng “Nam giới thường nắm giữ vị trí chủ chốt ở nơi làm việc” và 35,32% tin rằng phụ nữ có cơ hội thăng tiến thấp hơn. Đặc biệt, trong gia đình, mặc dù nhiều sinh viên bác bỏ phân biệt giới tính trong giáo dục, vẫn có 26,49% đồng tình với việc ưu tiên giáo dục cho con trai trong hoàn cảnh khó khăn. Để đạt được bình đẳng giới thực sự thì các giá trị gia đình và văn hóa truyền thống cần phải được thay đổi.

Kết quả cũng cho thấy 54,29% sinh viên đồng ý rằng “Những người theo đuổi ngành kế toán - kiểm toán thường là nữ”. Trong số 49,37% sinh viên ngành Kế toán - kiểm toán đồng tình, 71,79% là nữ, phản ánh xu hướng nữ giới bị khuyến khích hoặc chịu áp lực để

chọn ngành nghề này. Có 62,08% sinh viên đồng tình với nhận định rằng *phụ nữ phù hợp với công việc yêu cầu tính toán tỉ mỉ*, với hơn 55% là sinh viên nữ. Điều này cho thấy sự ảnh hưởng mạnh mẽ của các quan niệm xã hội đối với lựa chọn nghề nghiệp và sự tự giới hạn bản thân của sinh viên nữ.

Khi đề cập đến vai trò truyền thống của phụ nữ như *làm mẹ và người nội trợ*, có 39,22% sinh viên đồng ý. Trong đó, tỷ lệ nam trên tổng số đồng tình là 44,75%, cao hơn so với tỷ lệ này ở nữ giới (34,31%). Điều này phản ánh nhận thức của nam giới về vai trò của nữ giới trong xã hội vẫn chịu ảnh hưởng từ các quan điểm truyền thống, trong khi nữ giới có thể cảm thấy áp lực phải đáp ứng những kỳ vọng xã hội này. Khi so sánh cụ thể vai trò của nam và nữ qua nhận định: *“Tôi nghĩ ba nên làm việc kiếm tiền, còn mẹ làm nội trợ, chăm sóc con cái”*, có đến 56,37% tỷ lệ nữ trên tổng số nữ tham gia khảo sát lựa chọn phương án không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý so với 34,8% của nam. Điều này cho thấy, khi đặt nữ giới so sánh với nam giới, nữ giới có xu hướng nhận thức về vai trò của mình một cách đa dạng và hiện đại hơn, thể hiện rõ quyền tự chủ và sự tiên bộ trong tư duy. Ngoài ra, có 59,48% sinh viên khẳng định hiểu rõ *các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới*, trong đó 56,37% là nữ, cao hơn 11,07% so với tỷ lệ nam (45,3%). Sự khác biệt này cho thấy nữ giới có thể nhạy cảm hơn với các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới, đồng thời thể hiện sự tự nhận thức tốt về các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này. Độ lệch chuẩn của các nhận định dao động từ 1,08 đến 1,4 chỉ ra sự đồng nhất trong ý kiến phản hồi, phản ánh nhận thức tương đối ổn định trong nhóm sinh viên khảo sát về vấn đề này.

Có thể thấy, nhận thức chung về bình đẳng giới của sinh viên khối ngành kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có nhiều tín hiệu tích cực nhưng cũng tồn tại những hạn chế nhất định. Phần lớn sinh viên đã đồng tình với các quan điểm tiên bộ liên quan đến bình đẳng giới, khẳng định sự thay đổi tích cực trong tư duy của thế hệ trẻ đối với vấn đề bình đẳng giới; thể hiện nhận thức rõ ràng hơn về tầm quan trọng của bình đẳng giới trong cuộc sống cũng như trách nhiệm của bản thân trong việc thúc đẩy sự công bằng giới. Song một số định kiến về vai trò giới vẫn còn tồn tại và ảnh hưởng đến cách nhìn nhận của sinh viên về sự phân chia vai trò giữa nam và nữ trong nghề nghiệp hay trong gia đình hiện nay.

3.3.2. Ảnh hưởng của văn hóa xã hội đến nhận thức về bình đẳng giới

Yếu tố văn hóa đóng vai trò quan trọng trong nhận thức của sinh viên về bình đẳng giới. Mặc dù phần lớn sinh viên đề cao giá trị con người hơn là phân biệt giới tính, thể hiện qua tỷ lệ đồng thuận cao ($m = 4,41$; 83,64%) với quan điểm *“Tôi coi trọng bạn bè, giáo viên, các thành viên trong gia đình bất kể giới tính”*, sự giảm sút của mức độ đồng thuận khi đề cập đến việc đăng tải vấn đề bình đẳng giới trên mạng xã hội ($m = 3,37$; 41,56%) cho thấy ảnh hưởng của các chuẩn mực xã hội vẫn còn tồn tại. Điều này phản ánh nỗi lo ngại phản ứng từ xã hội hoặc vấn đề này chưa tác động trực tiếp đến họ.

Ngoài ra, quan niệm truyền thống vẫn còn ảnh hưởng mạnh mẽ đến tư duy của sinh

viên, như thể hiện qua tỷ lệ đồng ý chỉ đạt 26,75% ($m = 2,52$) với nhận định “*Phụ nữ nên học đến một mức nhất định để dành thời gian xây dựng gia đình*”, cùng với đó là 27,01% ($m = 2,53$) đồng ý với quan điểm “*Phụ nữ làm việc nhiều ngoài xã hội khiến gia đình thiếu sự chăm sóc*”. Những con số này cho thấy, mặc dù sinh viên đang dần chấp nhận bình đẳng giới và thay đổi tư duy, họ vẫn phải đối mặt với ảnh hưởng của các quan điểm văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại.

3.3.3. Ảnh hưởng của giáo dục đến nhận thức về bình đẳng giới

Qua số liệu khảo sát, nhân tố giáo dục tích cực có ảnh hưởng đến nhận thức về bình đẳng giới của sinh viên khối ngành kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh thông qua sự đồng thuận cao của sinh viên với các nhận định “*Các chương trình, hoạt động ngoại khóa nâng cao nhận thức về bình đẳng giới nên được thực hiện*” và ý kiến “*Phụ nữ và nam giới nên có cơ hội giáo dục bình đẳng*” đều trên 80%. Kết quả cho thấy rằng giáo dục không chỉ nâng cao nhận thức mà còn hình thành những quan điểm tích cực về bình đẳng giới, giúp sinh viên nhận ra tầm quan trọng của việc bình đẳng trong giáo dục và xã hội, từ đó thúc đẩy họ tham gia tích cực vào việc tạo ra một môi trường công bằng, tiến bộ hơn.

Tuy nhiên, giáo dục vẫn còn hạn chế nhất định. Cụ thể, nhận định “*Hình ảnh, đề cập về nhân vật nam xuất hiện trong tài liệu giáo dục nhiều hơn nhân vật nữ*” cho thấy mức độ đồng thuận cao lên đến 43,38%. Với nhận định “*Nữ giới phù hợp với khối ngành kinh tế hơn*”, dù chỉ có 30,13% ý kiến đồng thuận nhưng nam chiếm đến 36,86% so với nữ (24,51%). Điều này minh chứng cho sự tác động đáng kể của giáo dục đối với nhận thức của sinh viên, hệ thống giáo dục có thể định hình quan điểm và lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên qua giới tính, từ đó ảnh hưởng đến cách họ nhìn nhận về bản thân và lĩnh vực phù hợp với mình.

3.3.4. Ảnh hưởng của gia đình đến nhận thức về bình đẳng giới

Số liệu khảo sát cho thấy ảnh hưởng mạnh mẽ của yếu tố gia đình đến nhận thức của sinh viên khối ngành kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh. Sự đồng thuận cao về vai trò bình đẳng của cha mẹ trong ra quyết định được thể hiện qua nhận định “*Phụ nữ và nam giới nên chia sẻ công việc nhà một cách bình đẳng*” với độ lệch chuẩn thấp ($SD=0,931$ và $SD=0,871$), cho thấy quan điểm tương đồng giữa các sinh viên. Trình độ học vấn và cách nhìn nhận về bình đẳng giới của cha mẹ cho thấy sự tác động tích cực lên nhận thức của sinh viên về bình đẳng giới khi có đến 74,03% sinh viên đồng thuận với nhận định “*Trình độ học vấn của bố mẹ có ảnh hưởng đến nhận thức về bình đẳng giới*”.

Tuy nhiên, sự phân hóa trong quan điểm vẫn tồn tại. Mặc dù 59,22% sinh viên không đồng ý với việc ưu tiên giáo dục cho con trai khi gia đình gặp kinh tế khó khăn nhưng giá trị trung bình thấp ($m=2,36$) cho thấy một bộ phận sinh viên vẫn ủng hộ quan điểm này. Cụ thể, dù chỉ có 26,49% sinh viên đồng tình với việc ưu tiên cho con trai trong khó khăn kinh tế nhưng tỷ lệ sinh viên nam trên tổng số sinh viên nam tham gia khảo sát đồng tình

lại rất cao, lên đến 65,69%.

Như vậy, yếu tố gia đình có ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhận thức của sinh viên, khi những quan điểm truyền thống về giới tính và ưu tiên giáo dục vẫn còn tồn tại trong một bộ phận sinh viên. Sự khuyến khích hoặc áp lực từ gia đình có thể hình thành cách nhìn nhận của sinh viên về giá trị của giáo dục đối với các thành viên trong gia đình, từ đó ảnh hưởng đến lựa chọn và cơ hội phát triển của họ.

3.3.5. Ảnh hưởng của nghề nghiệp đến nhận thức về bình đẳng giới

Kết quả khảo sát cho thấy yếu tố nghề nghiệp ảnh hưởng đáng kể đến nhận thức về bình đẳng giới của sinh viên. Cụ thể, nhận định “*Phụ nữ và nam giới nên có cơ hội việc làm bình đẳng*” có giá trị trung bình cao nhất ($m = 4,44$) với 84,67% đồng tình và 80,78% sinh viên ủng hộ việc nên dựa vào năng lực thay vì giới tính khi tuyển dụng ($m = 4,31$). Cho thấy, nghề nghiệp định hình cách mà sinh viên hiểu về bình đẳng giới và thúc đẩy họ nhận thức rõ ràng hơn về tầm quan trọng của việc công bằng trong tuyển dụng. Sự hỗ trợ từ môi trường nghề nghiệp có thể giúp sinh viên phát triển quan điểm tích cực về việc xây dựng một thị trường lao động công bằng, từ đó ảnh hưởng đến cách họ nhìn nhận và đánh giá vai trò của cả nam và nữ trong xã hội.

Tuy nhiên, vẫn tồn tại những rào cản về giới trong nghề nghiệp khi xét về tỷ lệ đồng thuận với nhận định “*Nam giới thường nắm giữ vị trí chủ chốt ở nơi làm việc*” với 41,56% ($m = 3,06$) và “*Cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp của phụ nữ thấp hơn nam*” với 35,32%, đặc biệt có đến 25,49% tỷ lệ nữ trên tổng số sinh viên nữ lựa chọn mức này, cao hơn đáng kể so với 19,33% nam giới. Kết quả này phản ánh thực trạng thị trường lao động và sự ảnh hưởng những rào cản này đến quyết định, động lực của sinh viên nữ trong việc theo đuổi cơ hội nghề nghiệp. Các quan niệm phân biệt giới trong công việc có thể tạo ra sự thiếu công bằng trong môi trường làm việc và hình thành những định kiến trong tư duy của sinh viên, khiến họ không tin tưởng vào khả năng của mình và không dám mơ ước về cơ hội thăng tiến trong công việc, đặc biệt là nữ giới.

3.4. Đánh giá nhận thức về bình đẳng giới của sinh viên khối ngành kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh

Thông qua kết quả khảo sát có thể thấy rằng, nhận thức về bình đẳng giới của sinh viên khối ngành kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh là tích cực, thể hiện qua tỷ lệ cao sinh viên ủng hộ cơ hội giáo dục (82,6%) và việc làm bình đẳng (84,67%). Tuy nhiên, các định kiến truyền thống, khuôn mẫu giới vẫn tồn tại, với 41,56% cho rằng *nam giới thường giữ vị trí chủ chốt* và 26,49% đồng tình *ưu tiên giáo dục cho con trai trong khó khăn kinh tế*. Bên cạnh đó, yếu tố văn hóa xã hội và gia đình tiếp tục thể hiện sự ảnh hưởng đến nhận thức này, thể hiện qua sự e ngại của sinh viên khi bàn về bình đẳng giới trên mạng xã hội (41,56%), cũng như các quan niệm truyền thống của sinh viên về vai trò giới trong gia đình. Kết quả khảo sát cũng cho thấy đa số sinh viên đồng tình với *vai trò tích cực của*

giáo dục đối với nhận thức về bình đẳng giới, với hơn 80% sinh viên ủng hộ các chương trình nâng cao nhận thức. Tóm lại, dù nhận thức của sinh viên khối ngành kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều cải thiện, song việc xóa bỏ định kiến và thay đổi các khuôn mẫu giới truyền thống vẫn đặt ra nhiều thách thức cần được giải quyết nhằm đạt đến bình đẳng giới thực sự.

Nghiên cứu đã làm rõ nhận thức về bình đẳng giới của sinh viên khối ngành Kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh dưới tác động của các yếu tố văn hóa - xã hội, gia đình, giáo dục và nghề nghiệp. Phân tích từ 385 sinh viên cho thấy nhận thức này chịu ảnh hưởng không chỉ từ kiến thức cá nhân mà còn từ quan niệm xã hội và định kiến truyền thống, tạo ra rào cản cho nữ giới trong học tập và sự nghiệp.

Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn tồn tại một số hạn chế. *Thứ nhất*, phạm vi nghiên cứu chỉ tập trung vào sinh viên khối ngành kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh, chưa mở rộng ra các nhóm ngành khác hoặc khu vực khác, nơi nhận thức về bình đẳng giới có thể khác biệt đáng kể. *Thứ hai*, nghiên cứu chủ yếu sử dụng phương pháp định lượng, với kỹ thuật thống kê mô tả chứ chưa sử dụng các mô hình hồi quy để đo lường cụ thể mức độ tác động của từng yếu tố, hay đi sâu vào các nghiên cứu định tính để hiểu rõ hơn về nguyên nhân của một số định kiến còn tồn tại. *Thứ ba*, nghiên cứu chưa đánh giá được sự thay đổi nhận thức của sinh viên theo thời gian hoặc tác động của các chương trình can thiệp về bình đẳng giới.

Với những hạn chế này, các nghiên cứu trong tương lai có thể mở rộng phạm vi khảo sát sang các nhóm ngành khác hoặc so sánh giữa các khu vực khác nhau để có cái nhìn toàn diện hơn. Đồng thời, việc kết hợp phương pháp định tính như phỏng vấn sâu sẽ giúp khám phá và phân tích sâu sắc hơn những yếu tố tác động đến nhận thức của sinh viên về bình đẳng giới. Ngoài ra, nghiên cứu có thể tập trung vào đánh giá hiệu quả của các chương trình giáo dục và chính sách về bình đẳng giới tại các trường đại học, từ đó đưa ra những khuyến nghị mang tính thực tiễn cao hơn.

3.5. Một số khuyến nghị nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới của sinh viên khối ngành kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh

Dựa trên kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới trong cộng đồng sinh viên thuộc khối ngành kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

- Các trường đại học cần tích hợp nội dung về bình đẳng giới vào chương trình giảng dạy, đặc biệt trong các môn học liên quan đến kinh tế, quản trị nhân sự và pháp luật.

Qua khảo sát, nhóm tác giả nhận thấy tác động tích cực của yếu tố giáo dục đến nhận thức về bình đẳng giới của sinh viên, cụ thể ở nhận định “*Bình đẳng giới nên được lồng ghép vào chương trình giảng dạy tại trường học và đại học*” tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý lên đến 81,04%, với giá trị trung bình đạt 4,35. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nội

dung này vẫn chưa được tích hợp sâu rộng trong chương trình giảng dạy hiện nay, đặc biệt ở các ngành kinh tế, quản trị nhân sự và pháp luật - những lĩnh vực có ảnh hưởng trực tiếp đến chính sách lao động và bình đẳng trong xã hội. Do đó, các trường đại học cần tích hợp nội dung về bình đẳng giới vào chương trình giảng dạy, đặc biệt trong các môn học liên quan đến kinh tế, quản trị nhân sự và pháp luật. Trong các môn kinh tế, sinh viên cần được tiếp cận với các vấn đề về chênh lệch thu nhập, cơ hội thăng tiến giữa nam và nữ, cũng như tác động của bình đẳng giới đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và nền kinh tế. Trong lĩnh vực quản trị nhân sự, chương trình giảng dạy cần nhấn mạnh tầm quan trọng của chính sách tuyển dụng công bằng, văn hóa làm việc không phân biệt giới tính, và các biện pháp hỗ trợ lao động nữ. Bên cạnh đó, trong các môn pháp luật, sinh viên cần hiểu rõ các quy định về quyền lao động, chống phân biệt giới trong tuyển dụng và chế độ phúc lợi bình đẳng nhằm đảm bảo mọi cá nhân đều có cơ hội phát triển như nhau. Việc lồng ghép các chủ đề này không chỉ giúp sinh viên hiểu rõ hơn về vấn đề bình đẳng giới mà còn trang bị cho họ tư duy đa chiều khi tham gia vào thị trường lao động.

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hội thảo và diễn đàn thảo luận về bình đẳng giới.

Kết quả khảo sát cho thấy 86,00% sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý rằng các chương trình, hoạt động ngoại khóa nâng cao nhận thức về bình đẳng giới nên được thực hiện, với giá trị trung bình đạt 4,49. Điều này phản ánh nhu cầu và mong muốn rõ ràng của sinh viên đối với các hoạt động thực tiễn giúp họ hiểu sâu hơn về bình đẳng giới, thay vì chỉ tiếp cận thông qua lý thuyết trong giảng dạy chính khóa. Do đó, các trường đại học cần thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hội thảo và diễn đàn thảo luận về bình đẳng giới. Những hoạt động này có thể bao gồm các buổi tọa đàm với sự tham gia của chuyên gia trong lĩnh vực bình đẳng giới, doanh nhân thành công hoặc những cá nhân đi đầu trong việc phá vỡ rào cản giới trong công việc và xã hội. Bên cạnh đó, các trường có thể tổ chức các cuộc thi, chiến dịch truyền thông nhằm nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia tích cực của sinh viên, đặc biệt là cả nam và nữ, để thúc đẩy sự thay đổi toàn diện trong tư duy về giới.

- Triển khai các chiến dịch truyền thông về bình đẳng giới trên nền tảng mạng xã hội.

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhiều sinh viên có nhận thức đúng về bình đẳng giới nhưng chưa chủ động tham gia vào các hoạt động liên quan. Cụ thể, ở nhận định “Tôi đang tải các vấn đề bình đẳng giới trên mạng xã hội” có thể thấy độ đồng thuận ở mức thấp. Tỷ lệ đồng ý chỉ ở mức 41,56% với giá trị trung bình chỉ đạt 3,37. Nghiên cứu của Sayeed Naqibullah Orfan và Safeerullah Samady (2023) cũng chỉ ra rằng truyền thông có thể giúp nâng cao ý thức và khuyến khích hành động trong cộng đồng. Vì vậy, việc triển khai các chiến dịch truyền thông về bình đẳng giới là điều cần thiết, đây là kênh thông tin sinh viên thường xuyên sử dụng và tiếp nhận thông tin một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Những chiến dịch này không chỉ nâng cao nhận thức về bình đẳng giới mà còn tạo cơ hội để sinh viên tham gia vào các cuộc thảo luận, chia sẻ quan điểm và học hỏi từ các nguồn thông tin uy tín. Việc sử dụng mạng xã hội cũng giúp lan tỏa thông điệp một cách rộng rãi và tạo ảnh hưởng tích cực đến cộng đồng sinh viên.

4. Kết luận

Trong bối cảnh kỷ nguyên vươn mình, khi Việt Nam đang hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và hội nhập sâu rộng, bình đẳng giới không chỉ là một tiêu chí xã hội mà còn là động lực quan trọng cho sự tăng trưởng kinh tế. Thành phố Hồ Chí Minh - đầu tàu kinh tế của cả nước - đứng trước yêu cầu tiên phong trong việc nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, không chỉ trong môi trường học thuật mà còn trong thực tiễn kinh doanh và quản lý. Trong đó, sinh viên nói chung, sinh viên khối ngành kinh tế nói riêng, với vai trò là lực lượng lao động và lãnh đạo tương lai, cần được trang bị nhận thức và thực hành bình đẳng giới để góp phần xây dựng một xã hội công bằng, văn minh và phát triển.

Tài liệu tham khảo

- Bertay, A. C., Dordevic, L., & Sever, C. (2020). Gender inequality and economic growth: Evidence from industry-level data. *International Monetary Fund*, WP/20/119. Truy xuất từ <https://www.elibrary.imf.org/view/journals/001/2020/119/article-A001-en.xml>, trích đọc ngày 28/1/2025.
- Báo điện tử Chính phủ (2024). *Tổng Bí thư Tô Lâm trao đổi chuyên đề “Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam”*. Truy xuất từ <https://baohinhphu.vn/tong-bi-thu-to-lam-trao-doi-chuyen-de-ky-nguyen-phat-trien-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-viet-nam-102241125190606526.htm>, trích đọc ngày 20/1/2025.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Giáo trình triết học Mác - Lênin dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Công thông tin điện tử Chính phủ (2006). *Luật số 73/2006/QH11 của Quốc hội: Luật Bình đẳng giới*. Truy xuất từ <https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=28975>, trích đọc ngày 2/3/2025.
- Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2022). *Gỡ bỏ định kiến, khai phá tiềm năng cùng tạo đà thúc đẩy bình đẳng giới*. Truy xuất từ <https://ueh.edu.vn/cuoc-song-ueh/tin-tuc/go-bo-dinh-kien-khai-pha-tiem-nang-cung-toa-dam-thuc-day-binh-dang-gioi-59333?app=true&app=true>, trích đọc ngày 28/2/2025.
- Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2023). *UEH kiến tạo môi trường giáo dục bình đẳng, công bằng, nỗ lực trao quyền cho phụ nữ và đề cao bình đẳng giới*. Truy xuất từ <https://ueh.edu.vn/cuoc-song-ueh/tin-tuc/ueh-kien-tao-moi-truong-giao-duc-binh-dang-cong-bang-no-luc-trao-quyen-cho-phu-nu-va-de-cao-binh-dang-gioi-72722>,

trích đọc ngày 25/2/2025.

- Đặng, T. L. A., & cộng sự (2023). Bất bình đẳng giới trong giáo dục ở Việt Nam. *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Bình đẳng giới trong Giáo dục*, 102 - 111. Hà Nội: Nhà xuất bản Tài chính.
- Grant Thornton Việt Nam (2024). *Ba giải pháp giúp doanh nghiệp gia tăng tỷ lệ nữ nắm giữ các vị trí lãnh đạo cấp cao*. Truy xuất từ <https://www.grantthornton.com.vn/vi/insights/t-duy-lanh-o/women-in-business/bao-cao-phu-nu-lanh-dao-doanh-nghiep-2024/>, trích đọc ngày 20/2/2025.
- Guerrero-Azpeitia, L. A. (2023). *Perceptions of university students on gender equality: A review from its sociocultural context*. *Puriq*, 5, e521. Truy xuất từ <https://doi.org/10.37073/puriq.5.521>, trích đọc ngày 10/2/2025.
- Gupta, V. K., Turban, D. B., & Pareek, A. (2013). Differences between men and women in opportunity evaluation as a function of gender stereotypes and stereotype activation. *Entrepreneurship Theory and Practice*, 37(4), 771 - 788.
- Học viện Phụ nữ Việt Nam (2024). *Lễ công bố kết quả sáng kiến thay đổi định kiến giới và thúc đẩy bình đẳng giới tại Việt Nam mùa 3*. Truy xuất từ <https://hvpnv.edu.vn/cat-tin-tuc/su-kien/le-cong-bo-ket-qua-sang-kien-thay-doi-dinh-kien-gioi-va-thuc-day-binh-dang-gioi-tai-viet-nam-mua-3>, trích đọc ngày 27/1/2025.
- Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam (2018). *Thúc đẩy lòng ghép giới trong sách giáo khoa phổ thông*. Truy xuất từ <https://hoilhpn.org.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/thuc-%C4%91ay-long-ghep-gioi-trong-sach-giao-khoa-pho-thong-28222-2.html?>, trích đọc ngày 15/1/2025.
- Lý, N. Y. N. (2022). Con đường giải phóng phụ nữ trong tư tưởng nữ quyền Pháp thế kỷ XX và những gợi mở đối với vấn đề xóa bỏ định kiến giới tại Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Khoa học Phát triển Nhân lực*, (2), 32 - 41.
- Nguyễn, M. T. (2023). Ảnh hưởng của định kiến giới đến bất bình đẳng trong giáo dục tại Việt Nam. *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Bình đẳng giới trong Giáo dục*, 18 - 19. Hà Nội: Nhà xuất bản Tài chính.
- Nguyễn, Q. U. (2007). *Giáo trình tâm lý học đại cương*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
- Phan Thị Thu Hà (2018). Ảnh hưởng của nhận thức về khuôn mẫu giới đến dự định khởi nghiệp của phụ nữ: Từ lý luận đến thực tiễn. *Tạp chí Khoa học Học viện Phụ nữ Việt Nam*, (2), trang 2 - 3.
- Phạm Ngọc Toàn và Nguyễn Vân Trang (2013). Tác động của bất bình đẳng giới trong giáo dục và việc làm đến tăng trưởng kinh tế. *Tạp chí Khoa học Lao động và xã hội*, (36), trang 34 - 44.
- Phạm Thị Huệ và Nguyễn Văn Thanh (2020). Bình đẳng giới trong phân công lao động

- và phát triển kinh tế hộ người dân tộc thiểu số vùng miền núi phía Bắc. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ lâm nghiệp*, (2), trang 130.
- T.Ngọc (2020). *Sinh viên Đại học Đà Nẵng cùng đồng hành với dự án “Thanh niên tham gia thay đổi định kiến giới và thúc đẩy bình đẳng giới tại Việt Nam”*. Ban Công tác Học sinh Sinh viên Đại học Đà Nẵng. Truy xuất từ <https://www.udn.vn/bancthssv/bai-viet/sinh-vien-dai-hoc-da-nang-cung-dong-hanh-voi-du-an-thanh-nien-tham-gia-thay-doi-dinh-kien-gioi-va-thuc-day-binh-dang-gioi-tai-viet-nam>, trích đọc ngày 28/2/2025.
- Thúy Vi (2021). *Câu chuyện về bình đẳng giới dưới góc nhìn của sinh viên UEF. Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh*. Truy xuất từ <https://www.uef.edu.vn/tin-tuc-su-kien/cau-chuyen-ve-binh-dang-gioi-duoi-goc-nhin-cua-sinh-vien-uef-13451>, trích đọc ngày 26/2/2025.
- Trương Thị Thúy Hà và Nguyễn Thị Thu Thủy (2024). Nhận thức về bình đẳng giới và các vấn đề cấp thiết của phụ nữ, trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc*, (4), trang 15 - 22.
- Trần Thị Kim Oanh và cộng sự (2024). Tác động của bất bình đẳng giới đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam: Tiếp cận phương pháp hồi quy không gian. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, (327), trang 42.
- Tô Diệu Hiền (2022). *Thanh niên - sinh viên làm gì để đẩy lùi bất bình đẳng giới?*. Báo Phụ Nữ. Truy xuất từ <https://www.phunuonline.com.vn/thanh-nien-sinh-vien-lam-gi-de-day-lui-bat-binh-dang-gioi-a1473757.html>, trích đọc ngày 5/2/2025.
- United Nations (2023). *Goal 5: Achieve gender equality and empower all women and girls*. Truy xuất từ <https://sdgs.un.org/goals/goal5>, trích đọc ngày 20/2/2025.
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2023). *Phê duyệt quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*. Truy xuất từ <https://hochiminhcity.gov.vn/vi/w/ph%C3%AA-duy%E1%BB%87t-quy-ho%E1%BA%A1ch-th%C3%A0nh-ph%E1%BB%91-h%E1%BB%93-ch%C3%AD-minh-th%E1%BB%9Di-k%E1%BB%B3-2021-2030-t%E1%BA%A7m-nh%C3%ACn-%C4%91%E1%BA%BFn-n%C4%83m-2050>, trích đọc ngày 20/2/2025.
- Viện Nghiên cứu Truyền thông Phát triển (2024). *Sinh viên bàn luận về định kiến giới*. Truy xuất từ <https://red.org.vn/sinh-vien-ban-luan-ve-dinh-kien-gioi%EF%BF%BC/>, trích đọc ngày 20/2/2025.
- Xu, X., Liu, M., Lai, X., & Hong, Y. (2021). Investigating social, family and economic factors affecting gender stereotyping under different education systems. *Atlantis Press*, 571, 200-205. Truy xuất từ <https://doi.org/10.2991/assehr.k.210806.039>, trích đọc ngày 10/2/2025.